TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Lâm Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Trần Hiếu

2/ Bà Lâm Nhật Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Hồng A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực C, phường D, Quận E, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Chen Jia B**,** sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 268/3-4, lộ P, khóm K, phường L, khu M, Thành phố N, Đài Loan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tô Hồng A trình bày: Bà và ông Chen Jia B quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ số 105 ngày 21/6/2017. Sau khi kết hôn ông Chen Jia B trở về Đài Loan và không làm thủ tục bảo lãnh cho bà. Từ đó đến nay bà và ông Chen Jia B không còn liên lạc. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chen Jia B. Theo bà A thì bà và ông Chen Jia B không có tài sản chung, nợ chung và con

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn là ông Chen Jia B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không rõ ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa thể hiện, những người tiến hành tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thẩm tra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Tô Hồng A và ông Chen Jia B là hợp pháp vì được hình thành trên sự tự nguyện của các bên và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nay bà A khởi kiện ly hôn, do ông Chen Jia B là người có quốc tịch Đài Loan nên đơn xin ly hôn của bà A được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Thủ tục thông báo, tống đạt của Tòa án đối với phía bị đơn đã hoàn tất. Theo công văn số 3253/BTP-PLQT ngày 07/10/2019 của Bộ Tư Pháp, theo đó "cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 04/9/2019 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an". Tuy nhiên cho đến nay ông Chen Jia B không có ý kiến phản hồi. Trên cơ sở đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Xét thấy, tình trạng ly thân giữa vợ chồng bà Tô Hồng A và ông Chen Jia B kéo dài đã lâu mà không có cách hàn gắn. Các bên cũng không còn liên lạc với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A cũng xác định không còn tình cảm với ông Chen Jia B và bà kiên quyết xin được ly hôn với ông Chen Jia B. Do ông Chen Jia B không có ý kiến trả lời cho Tòa án chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì với cuộc hôn nhân này. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Do ông bà chưa có con chung và tài sản chung theo lời khai của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác là 200.000 đồng, nguyên đơn phải chịu. Nghĩa vụ chịu các chi phí này dựa theo các quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 37; Điều 227; Điều 238, Điều 271, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Tô Hồng A được ly hôn với ông Chen Jia B.

Không đặt ra xem xét về con chung và tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Tô Hồng A phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001017 ngày 05/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Bà A đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác, bà Tô Hồng A đã nộp xong 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003884 ngày 18/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc thông báo hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận **:**
- Đương sự.
- VKSNDTPCT
- Cục THA DS TPCT
- UBND Q.Thốt Nốt
- Lưu (2b).

(Đã ký)
Phạm Lâm Đồng